

Bản án số: 10/2019/HS-PT
Ngày 25- 01- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Đoàn
Bà Đỗ Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoan – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 /01/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 113/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2018 đối với bị Nguyễn Đức T do có kháng cáo của bị cáo T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Nguyễn Đức T, sinh ngày 07/12/1984, tại huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn C, thị trấn A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Thị D (đã ly hôn năm 2014) và 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Bản án số: 38/2008/HSST, ngày 25/11/2008 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Đánh bạc”; quyết định số 1470, ngày 10/9/2012 của Chủ tịch Ủy nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái ra quyết định áp dụng biện pháp tập trung cai nghiện tại trung tâm chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh Yên Bái với thời gian là 24 tháng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24 – 26/01/2018, bị bắt tạm giam ngày 04/6/2018, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 9/2017 gia đình Nguyễn Đức T thuê khoán anh Trần Tuấn K xây dựng toàn bộ ngôi nhà với diện tích là 150 m². Trong quá trình xây dựng K thuê Hoàng Văn G, Lương Đức D lắp đặt thiết bị còn nguyên vật liệu do gia đình T mua. Nguyễn Đức T thấy dây điện trội hơn so với các nhà khác cùng diện tích nên chiều tối ngày 22/01/2018 T có chèo lên mái chống nóng trên tầng hai để kiểm tra thì phát hiện một túi nylon bên trong đựng nhiều cút, chệnh (bằng nhựa), bảng điện, công tắc điện nên T nghi ngờ anh G trộm cắp vật tư, thiết bị điện nước nhà T, nên T đã nhắn G sang nhà gặp T. Khoảng 07 giờ ngày 23/01/2018 anh G đi sang nhà cũ của T (cạnh nhà đang xây) để gặp T, khi đó có T và bà N đang ở trong nhà. T bảo anh G ngồi xuống ghế và nói “Mày ăn trộm những đồ điện nước gì thì nói ra”, anh G không thừa nhận là mình lấy trộm đồ. T dùng tay tát vào mặt anh G 2 cái, rồi dùng đoạn gậy gỗ tròn đường kính khoảng 2 cm, dài khoảng 40 cm đánh vào vai và lưng của G, bắt G phải nhận lấy trộm 200 m dây điện, cùng một số vật liệu điện nước của gia đình T. Thấy T đánh G sợ xảy ra chuyện nên bà N đã gọi Phan Văn Ng (đang ngồi ngoài sân chờ T đi uống methadone) vào can ngăn và đẩy T ra ngoài. Sau đó T tiếp tục đi vào và lấy giấy bút bắt anh G viết đã trộm cắp những gì và phải bồi thường, không được lấy tiền công lắp đặt điện nước nữa. Do sợ bị T đánh tiếp nên anh G đã phải viết giấy nhận trộm cắp và chịu phạt. Anh G viết giấy xong đưa cho T xem, thấy nội dung sơ sài T bắt anh G viết lại theo yêu cầu của T. Một lúc sau anh Đỗ Văn M và anh Vũ Cao R đến rủ T đi uống methadone, Nam đứng ngoài đợi, R đi vào trong nhà thì T nói với R là G lấy trộm dây điện và một số thiết bị nên R dùng tay tát G 2 cái vào mặt rồi đi ra sân đứng. T kiểm tra giấy G viết thấy chưa được liền lấy chiếc bút anh G vừa viết ném vào mặt anh G làm hỏng bút. T lấy một chiếc bút khác bắt G viết theo nội dung T đọc. Do sợ nên G viết thêm nội dung “tiền công trừ đi (không tính nữa), bồi thường 10.000.000 đồng” và đưa cho T xem lại và gọi anh K sang ký làm chứng rồi yêu cầu G nộp tiền bồi thường, nhưng G chỉ có 2.000.000 đồng nên T bảo G viết tiếp vào bản tường trình là: “Bây giờ em không có tiền, em để lại xe...” rồi G tự dắt xe vào trong, sau đó mượn xe của thợ xây về nhà lấy 10.000.000 đồng mang đến cho T. Khi anh G đi về thì T cùng bạn đi uống methadone ở xã An Bình, nên khi anh G đến T không có ở nhà, anh G đưa 10.000.000 đồng cho bà N và lấy xe đi về. Bà N có gọi điện cho T nói là anh G đã đưa 10.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày T gọi điện thoại, nhắn tin đến số của anh G đe dọa và yêu cầu anh bảo với anh Lương Đức D nộp cho T 5.000.000 đồng tiền phạt bồi thường. Sau đó anh G đã nói lại toàn bộ sự việc cho D nghe, do sợ T đánh và muốn yên ổn làm ăn nên D đã nhờ anh G nói với T là cho nộp 3.000.000 đồng thôi, T đồng ý và hẹn đến tối mang tiền đến cho T. D đã vay của anh G 3.000.000 đồng để đưa cho T, sau này sẽ trừ vào tiền công. Đến 21 giờ 15 phút cùng ngày khi T nhận 3.000.000 đồng từ G và D thì bị Công an huyện V bắt quả tang và thu giữ số tiền vừa nhận, 01 điện thoại di động nhãn hiệu mastel màu xanh.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-VY ngày 18/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã truy tố Nguyễn Đức T về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo khoản

1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số: 39/2018/HSST, ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái đã Quyết định:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2.Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h,s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt ngày 04/6/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/11/2018 bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 27/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái ra quyết định kháng nghị số: 480/QĐ-VKS-VY. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Huỷ bản án sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, để xét xử bị cáo về hai tội “Cướp tài sản” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án với hai tội danh “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự và “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Do đề nghị huỷ án sơ thẩm nên không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đức T thừa nhận mọi hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo không đồng ý với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V. Bị cáo cho rằng Viện kiểm sát xử lý bị cáo với 2 tội danh Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản là không đúng với những hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện V là hợp lệ được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với những lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại là anh

Hoàng Văn G, Lương Đức D, phù hợp với lời khai của những người làm chứng anh Nguyễn Tuấn K, bà Nguyễn Thị N, anh Đỗ Văn M, Phan Văn Ng, Vũ Cao R và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ căn cứ để xác định : Do phát hiện ở trên mái nhà có một túi nilon bên trong có đựng nhiều thiết bị lắp điện nước như ổ cắm, cắt, chéch bằng nhựa, bảng điện, công tắc điện nên T nghi ngờ anh G và anh D trộm cắp.

Khoảng 07 giờ, ngày 23/01/2018 anh Hoàng Văn G đến nhà bà N để lắp bảng điện thì anh Nguyễn Tuấn K (thợ xây nhà cho bà N) có bảo anh G xuống nhà dưới của bà N để gặp anh T, khi G vào nhà vừa ngồi xuống ghé thì bà N xách ra một túi nilon bên trong đựng nhiều công tắc, ổ điện, cắt chéch nhựa để xuống bàn và nói “ *Mày ăn trộm đồ nhà tao, mày lấy trộm 200m dây điện nữa*” Khi anh G không thừa nhận thì Nguyễn Đức T lao vào dùng tay tát vào mặt, dùng chân đạp vào người, dùng gậy gỗ đập vào vai anh G, yêu cầu anh G viết giấy nhận trộm cắp dây điện, cắt, chéch, ống nhựa của gia đình anh T và phải chịu phạt 10 triệu đồng, không được lấy tiền công lắp điện nước của nhà anh T. Sau khi bị T đánh, anh G phải viết giấy nhận là mình trộm cắp theo những nội dung T đọc và ghi thêm “ *Tiền công trừ đi, bồi thường 10 triệu đồng*” sau đó T bảo anh K (thợ xây nhà) ký vào là người làm chứng.

Do không có tiền nên anh G mượn xe máy về nhà lấy 10 triệu đồng mang đến đưa cho T, vì T không có ở nhà do đó, anh G đã đưa số tiền trên cho bà N. Đến khoảng 10 giờ 30 phút Nguyễn Đức T tiếp tục đe dọa yêu cầu Lương Đức D phải nộp cho T 5 triệu đồng, D nhờ G nói với T cho nộp 3 triệu đồng và T đồng ý, khi T đang nhận 3 triệu đồng thì bị bắt quả tang.

Như vậy với các hành vi nêu trên của Nguyễn Đức T cho thấy: Khi kiểm tra, phát hiện 1 túi nilon bên trong đựng các thiết bị để lắp điện nước do anh G để trên mái nhà chưa kịp đem xuống, cho rằng anh G trộm cắp tài sản mà lại không nhận nên bức tức đã đánh anh G. Khi anh G sợ và thừa nhận trộm cắp tài sản, thì T mới nảy sinh ý định phạt tiền đối với anh G.

Khi G không có tiền nộp phạt, T còn cho anh G về nhà để lấy tiền nộp phạt cho bị cáo. Như vậy, cho thấy anh G chưa đến mức bị tê liệt hoàn toàn về ý trí mà không có sự lựa chọn nào khác, và trong hoàn cảnh như vậy G hoàn toàn có khả năng đến các cơ quan có thẩm quyền tố cáo hành vi của Nguyễn Đức T để kịp thời ngăn chặn, xử lý đối với T.

Xét về thời gian, địa điểm, mối quan hệ giữa bị cáo và người bị hại còn cho thấy: Anh G là thợ điện nước, đang trực tiếp thi công lắp đặt điện cho nhà Nguyễn Đức T nên họ là những người quen biết nhau, địa điểm nơi bị cáo thực hiện tội phạm là nhà bị cáo, thời gian bị cáo thực hiện tội phạm vào buổi sáng, khi có nhiều người đang thi công xây dựng nhà cho bị cáo, ngoài ra còn 1 số người đến rủ bị cáo để đi uống thuốc cai nghiện cũng có mặt tại nhà của bị cáo, trong hoàn cảnh như vậy về mặt tâm lý tội phạm Nguyễn Đức T cũng không thể liều lĩnh để thực hiện hành vi cướp tài sản của anh G được vì rất dễ bị phát hiện. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội Cường đoạt tài sản là có căn cứ đúng pháp luật. Kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử bị cáo

với hai tội danh Cướp tài sản và Cưỡng đoạt tài sản là chưa xem xét đánh giá một cách toàn diện các tài liệu chứng cứ. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Đức T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, đủ để răn đe giáo dục bị cáo và phòng chống tội phạm nói chung.

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, xem xét đến nhân thân bị cáo, đánh giá đúng về tính chất mức độ, hậu quả tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 và buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo với mức hình phạt 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, Mức hình phạt 03 năm tù không nặng, do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định mức hình phạt lại không trừ 02 ngày tạm giữ bị cáo từ ngày 24/01/ đến ngày 26/01/2018 là bất lợi cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại cho phù hợp và đúng quy định.

[4]. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận quyết định kháng nghị số: 02/QĐ-VKSTP ngày 08/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2018/HS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái như sau:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 03 (ba) năm tù, được trừ 02 ngày tạm giữ, thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 28 (hai mươi tám) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/6/2018.

2. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo (tạm giam);
- Lưu HS; HCTP; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Trọng Hồng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đoàn Đỗ Thu Hương

Hoàng Trọng Hồng